

Download từ website Thư Viện Pháp Luật - Báo Tuổi Trẻ Online

NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ VIỆC KHÔI PHỤC DANH DỰ, ĐỀN BÙ, TRỢ CẤP CHO CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, CÁ NHÁN BỊ THIẾT HẠI DO THAM GIA BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA
CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức ChÍnh phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc khôI phục danh dự đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân bị tổn hại về danh dự; đền bù thiết hại đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại về tài sản; chế độ trợ cấp đối với cá nhân bị thương tích, bị tổn hại về sức khỏe, bị thiệt hại về tính mạng do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

Cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế bị tổn hại về danh dự, thiệt hại tài sản; người nước ngoài bị thương tích, bị tổn hại về sức khỏe, bị thiệt hại về tính mạng do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam được nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện khôI phục danh dự, đền bù thiết hại và thực hiện chế độ trợ cấp theo quy định của Nghị định này.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên c&oaacute; quy định khác thì áp dụng theo Điều ước quốc tế đ&oaacute;.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tham gia bảo vệ an ninh quốc gia là hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia dưới sự quản lý, hướng dẫn, theo dõi của cơ quan chuyên trácch bảo vệ an ninh quốc gia hoặc cá nhân tự giác tham gia.
2. Tổn hại về danh dự là bị làm giảm hoặc làm mất đi sự coi trọng, đánh giác; tốt đẹp của xã hội đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Đền bù vật chất là đền bù bằng tiền hoặc bằng hiện vật.

4. Trợ cấp vật chất và trợ cấp bằng tiền hoặc hiện vật.

Điều 3. Khôi phục danh dự, đền bù, trợ cấp

1. Việc khôi phục danh dự cho cơ quan, tổ chức, cá nhân bị tổn hại về danh dự (sau đây gọi chung là đối tượng bị tổn hại về danh dự) do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia được cơ quan nhà nước thẩm quyền thực hiện theo thủ tục quy định; người bị tổn hại về danh dự trong trường hợp cần giữ bí mật đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Việc đền bù thiệt hại được cơ quan nhà nước thẩm quyền thực hiện đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại về tài sản (sau đây gọi chung là đối tượng bị thiệt hại về tài sản) do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia nhưng người phạm tội phạm an ninh quốc gia trực tiếp gây ra; trường hợp thiệt hại về tài sản do người phạm tội phạm an ninh quốc gia gây ra được giải quyết theo quy định của Bộ luật Hình sự; Bộ luật Tố tụng Hình sự.

3. Chế độ trợ cấp thiệt hại được cơ quan nhà nước thẩm quyền thực hiện trợ cấp cho người bị thương, bị tổn hại về sức khỏe (sau đây gọi chung là người bị thiệt hại về sức khỏe), bị thiệt hại về tinh thần do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

Điều 4. Quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia hoặc theo thủ tục quy định của pháp luật của họ có quyền đề nghị cơ quan nhà nước thẩm quyền khôi phục danh dự, đền bù, trợ cấp; thực hiện chế độ trợ cấp đối với người bị thiệt hại về tinh thần, sức khỏe.

2. Người tham gia bảo vệ an ninh quốc gia có tinh thần xuất sắc bị thiệt hại về tinh thần, về sức khỏe bản thân hoặc gia đình người được hưởng chế độ ưu đãi; người có công được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm xem xét, giải quyết việc khôi phục danh dự, đền bù, trợ cấp

1. Cơ quan nhà nước thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định kịp thời việc khôi phục danh dự, đền bù, trợ cấp cho đối tượng bị thiệt hại do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của Nghị định và quy định của pháp luật của pháp luật liên quan.

2. Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia phải chủ động rà soát, thống kê trường hợp cần khôi phục danh dự, đền bù, trợ cấp để xem xét, quyết định thực hiện việc khôi phục danh dự, đền bù, trợ cấp theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc thực hiện khôi phục danh dự, đền bù, trợ cấp thiệt hại phải do cấp thẩm quyền quyết định bằng văn bản. Những trường hợp đền bù, trợ cấp

(bằng tiền hoặc bằng hi?n v?t) từ 10.000.000 (mười triệu) đồng trở lên phải lập Hội đồng Tư vấn để xem xét; t và quyết định.

Chương II

KHÔI PHỤC DANH DỰ

Điều 6. Hình thức khôi phục danh dự

1. Việc khôi phục danh dự được thực hiện đối với đối tượng bị tổn hại về danh dự.
2. Việc cải chính công khai , xin lỗi được tiến hành bằng thông bách; o trên các phương tiện thông tin đại chút; ng trung ương hoặc địa phương trong hai số bách; o hoặc hai lần trên phương tiện nghe, nhìn liên tiếp.
3. Việc cải chính , xin lỗi bí mật được thông bách; o cho đối tượng bị tổn hại về danh dự, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương có liên quan và thông bách; o trực tiếp cho lãnh đạo có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, cát; nhân được khôi phục danh dự.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định và thủ tục giải quyết khôi phục danh dự

1. Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia các cấp có trách; ch nhiệm xem xét; quyết định việc khôi phục danh dự cho đối tượng bị tổn hại về danh dự do cơ quan mình quản lý. Trường hợp đối tượng bị tổn hại về danh dự không do cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia quản lý thì xem xét; t, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét; t, quyết định.
2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách; ch nhiệm xem xét; t, quyết định khôi phục danh dự cho đối tượng bị tổn hại về danh dự cư trút; tại địa phương mình theo đề nghị của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia (trong các trường hợp đối tượng bị tổn hại về danh dự không do cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia quản lý).
3. Đối tượng bị tổn hại về danh dự có quyền đề nghị trực tiếp hoặc gửi đơn đến cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia liên quan nơi mình cư trút;, đề nghị được khôi phục danh dự. Đề nghị cần trình bày rõ nội dung sự việc, kèm theo giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh (nếu có) để làm căn cứ xem xét; t, giải quyết. Trường hợp cần bổ sung tài liệu làm căn cứ xem xét; t, quyết định khôi phục danh dự thì cơ quan nhận đơn phải hướng dẫn đối tượng bị tổn hại về danh dự thu thập, cung cấp, bổ sung tài liệu hoặc tự thu thập, bổ sung.
4. Khi nhận được đề nghị hoặc đơn của đối tượng bị tổn hại về danh dự do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trong thời hạn chậm nhất sau 15 ngày, cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia nhận đề nghị hoặc đơn phải có trách; ch nhiệm giải quyết theo các trường hợp sau:
 - a) Quyết định việc khôi phục danh dự cho đối tượng bị tổn hại về danh dự do cơ quan mình quản lý;

b) Chuyển đề nghị hoặc đơn và càc tài liệu càc liên quan (nếu càc) cho cơ quan chuyên tràch bảo vệ an ninh quốc gia nơi quản lý đối tượng bị tổn hại về danh dự để xem xàt, quyết định việc không i phục danh dự;

c) Xem xàt, kết luận và kiến nghị ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi đối tượng bị tổn hại về danh dự cư trà để xem xàt, quyết định không i phục danh dự (trong càc trường hợp đối tượng bị tổn hại về danh dự không do cơ quan mành quản lý);).

5. Cơ quan chuyên tràch bảo vệ an ninh quốc gia nơi nhận đề nghị hoặc đơn càc tràch nhiệm thông bào cho đối tượng càc đơn đề nghị không i phục danh dự biết việc xử lý theo quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này. Nếu xàt thấy không đủ cơ sở để tiến hành việc không i phục danh dự cho đối tượng bị thiệt hại về danh dự thà phải càc văn bản thông bào rõ lý do cho đối tượng bị thiệt hại đà.

Chương III

ĐỀN Bà THIẾT HẠI VỀ Tài SẢN

Điều 8. Thiệt hại về tài sản được đền bà;

1. Thiệt hại về tài sản được đền bà bao gồm:

a) Tài sản bị mất;

b) Tài sản bị hủy hoại, bị hư hỏng mà không càc khả năng không i phục nguyên trạng;

c) Càc chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại.

2. Già trị tài sản bị thiệt hại được xàc định theo già thị trường của tài sản đà tại địa phương và thời điểm tài sản bị thiệt hại, trừ đi phần khấu hao tài sản.

3. Nếu tài sản bị thiệt hại càc khả năng phục hồi nguyên trạng thà được phục hồi, nếu không phục hồi được nguyên trạng thà được đền bà.

Điều 9. Thủ tục giải quyết đền bà thiệt hại về tài sản

1. Cơ quan chuyên tràch bảo vệ an ninh quốc gia càc cấp càc tràch nhiệm xem xàt, quyết định việc đền bà thiệt hại về tài sản cho đối tượng bị thiệt hại về tài sản do cơ quan mành trực tiếp quản lý. Trường hợp vụ việc do cơ quan, tổ chức khàc phàt hiện thà cơ quan, tổ chức đà càc tràch nhiệm chuyển giao cho cơ quan chuyên tràch bảo vệ an ninh quốc gia càc thẩm quyền những tài liệu càc liên quan đến sự việc đà gày thiệt hại về tài sản để xem xàt, quyết định việc đền bà.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đày gọi chung là ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

cơ quan chức năng nhiệm vụ xem xét, ra quyết định việc đền bù thiệt hại về tài sản cho đối tượng bị thiệt hại về tài sản tại địa phương mà theo đề nghị của cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia (trong trường hợp đối tượng bị thiệt hại về tài sản không do cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia quản lý).

3. Đối tượng bị thiệt hại về tài sản có quyền đề nghị trực tiếp hoặc gửi đơn đến cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia có liên quan đề nghị được đền bù thiệt hại. Đề nghị cần nêu rõ nội dung sự việc đã xảy ra thiệt hại, những tài sản bị thiệt hại, giá trị thiệt hại và mức đền bù, kèm theo giấy tờ, tài liệu chứng cứ chứng minh giá trị tài sản, giá trị tài sản bị thiệt hại và các tài liệu liên quan khác (nếu có) để làm căn cứ cấp cơ quan chức năng nhiệm vụ xem xét, quyết định việc đền bù. Trường hợp cần bổ sung tài liệu làm căn cứ xem xét, giải quyết đền bù thiệt hại; cơ quan nhận đơn phải hướng dẫn người bị thiệt hại về tài sản thu thập, cung cấp, bổ sung tài liệu hoặc tự thu thập, bổ sung.

4. Khi nhận được đề nghị hoặc đơn của đối tượng bị thiệt hại về tài sản do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trong thời hạn chậm nhất sau 15 ngày, cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia nhận đề nghị hoặc đơn có nhiệm vụ giải quyết theo các trường hợp sau:

a) Xem xét, quyết định hoặc đề nghị cơ quan thẩm quyền quyết định việc đền bù thiệt hại về tài sản cho đối tượng bị thiệt hại về tài sản do cơ quan quản lý;

b) Chuyển đề nghị hoặc đơn và tài liệu có liên quan khác (nếu có) cho cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia nơi quản lý đối tượng bị thiệt hại về tài sản để xem xét, quyết định đền bù thiệt hại;

c) Xem xét, kết luận và kiến nghị ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đối tượng bị thiệt hại về tài sản cư trú để xem xét, quyết định đền bù thiệt hại (trong trường hợp đối tượng bị thiệt hại về tài sản không do cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia quản lý).

5. Cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia có nhiệm vụ thông báo cho đối tượng đơn đề nghị đền bù thiệt hại về tài sản biết việc xử lý theo quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này. Nếu thấy không đủ cơ sở để tiến hành việc đền bù thiệt hại cho đối tượng bị thiệt hại về tài sản phải văn bản thông báo và lý do cho đối tượng bị thiệt hại;

6. Trường hợp đền bù thiệt hại từ 10.000.000 (mười triệu) đồng trở lên, Thủ trưởng cơ quan chức năng nhiệm vụ đền bù thiệt hại quyết định thành lập Hội đồng Tư vấn để xem xét. Hội đồng Tư vấn gồm: Thủ trưởng cơ quan chức năng nhiệm vụ đền bù thiệt hại làm Chủ tịch Hội đồng, đại diện chuyên quyền địa phương hoặc cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia, đại diện cơ quan chức năng, cơ quan chức năng khoa học - kỹ thuật có liên quan.

Đối tượng bị thiệt hại về tài sản hoặc người đại diện hợp pháp của họ được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng Tư vấn để biểu kiến, kiến của những người này được ghi vào biên bản.

Hội đồng Tư vấn có nhiệm vụ xem xét, kiểm tra, đánh giá thiệt hại và kiến nghị mức đền bù; kết luận theo đa số; biên bản họp Hội đồng Tư vấn là tài liệu để Thủ trưởng cơ quan thực hiện đền bù; thiệt hại theo thẩm quyền quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 10 của Nghị định này quyết định mức đền bù;

Điều 10. Thẩm quyền quyết định đền bù; thiệt hại về tài sản

1. Những người sau đây có thẩm quyền quyết định đền bù; thiệt hại về tài sản có giá trị đến dưới 5.000.000 (năm triệu) đồng đối với đối tượng bị thiệt hại về tài sản do đơn vị quản lý:

a) Trưởng phòng, Phó trưởng Phòng Nghiệp vụ an ninh thuộc công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Trưởng công an, Phó trưởng công an cấp huyện phụ trách an ninh;

c) Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Trưởng phòng, Phó trưởng Phòng Bảo vệ an ninh quốc gia thuộc các tổng cục, khu, đơn vị, quân chủng, binh chủng trong Quân đội nhân dân;

2. Những người sau đây có thẩm quyền quyết định đền bù; thiệt hại về tài sản có giá trị đến dưới 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với đối tượng bị thiệt hại về tài sản do cơ quan quản lý:

a) Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát; Tư lệnh, Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an;

b) Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát; Tư lệnh, Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng - Bộ Quốc phòng;

c) Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Nghiệp vụ thuộc Tổng cục An ninh, Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an;

d) Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách an ninh công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Nghiệp vụ thuộc Tổng cục Cảnh sát - Bộ Quốc phòng;

e) Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát biển; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh quốc gia thuộc Cảnh sát; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Trinh sát Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng - Bộ Quốc phòng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đền bù thiệt hại về tài sản cá nhân; giá trị đến dưới 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với đối tượng bị thiệt hại về tài sản cư trú tại địa phương miền nam (trong trường hợp đối tượng bị thiệt hại về tài sản không do cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia quản lý);

4. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đền bù thiệt hại về tài sản cá nhân; giá trị từ 10.000.000 (mười triệu) đồng trở lên đối với đối tượng bị thiệt hại về tài sản do cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia quản lý;

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đền bù thiệt hại về tài sản cá nhân; giá trị từ 10.000.000 (mười triệu) đồng trở lên đối với đối tượng bị thiệt hại về tài sản cư trú tại địa phương miền nam (trong trường hợp đối tượng bị thiệt hại về tài sản không do cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia quản lý);

Chương IV

CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN, NH MẠNG, SỨC KHOẺ

Điều 11. Trợ cấp cho người bị thiệt hại về sức khỏe

Trợ cấp cho người bị thiệt hại về sức khỏe bao gồm:

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và phục hồi chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại.

2. Trường hợp thu nhập thực tế của người bị thiệt hại do bị thương, thiệt hại về sức khỏe bị mất, giảm sút, không ổn định; không thể xác định được trước; và mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định để trợ cấp.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định trợ cấp cho người bị thiệt hại về sức khỏe

1. Cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia có trách nhiệm xem xét, quyết định việc trợ cấp đối với người bị thiệt hại về sức khỏe do cơ quan miền nam quản lý. Trường hợp vụ việc do cơ quan, tổ chức khác phát hiện; cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chuyển giao cho cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia những tài liệu liên quan đến sự việc để xem xét, quyết định việc trợ cấp.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định việc trợ cấp cho người bị thiệt hại về sức khỏe cư trú tại địa phương miền nam theo đề nghị của cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia (trong trường hợp người bị thiệt hại về tài sản không do cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia quản lý);

3. Người bị thiệt hại về sức khỏe được người có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Nghị định này xem xét, quyết định trợ cấp một lần bằng tiền; mức trợ cấp bao gồm chi phí theo quy định tại Điều 11 Nghị định này, nhưng tối đa không vượt quá;

50.000.000 (năm mươi triệu) đồng cho một trường hợp.

4. Trường hợp người bị thiệt hại về sức khỏe mất khả năng lao động thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thực hiện hình thức trợ cấp thường xuyên. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định này.

Điều 13. Trợ cấp cho trường hợp người bị thiệt hại về tính mạng

Trợ cấp một lần cho trường hợp người bị thiệt hại về tính mạng bao gồm:

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại về tính mạng trước khi chết.

2. Chi phí hợp lý cho việc mai táng.

3. Trợ cấp cho gia đình hoặc người đại diện hợp pháp của người bị thiệt hại về tính mạng.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định trợ cấp cho trường hợp người bị thiệt hại về tính mạng

1. Theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cư trú người bị thiệt hại về tính mạng xem xét, quyết định trợ cấp cho người bị thiệt hại về tính mạng không quá 10.000.000 (mười triệu) đồng cho một trường hợp.

2. Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định trợ cấp cho người bị thiệt hại về tính mạng từ 10.000.000 (mười triệu) đồng trở lên, nhưng tối đa không được vượt quá 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng cho một trường hợp.

Điều 15. Thủ tục giải quyết trợ cấp cho người bị thiệt hại về sức khỏe, người bị thiệt hại về tính mạng

1. Người bị thiệt hại về sức khỏe, gia đình của người bị thiệt hại về tính mạng do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền đề nghị trực tiếp hoặc gửi đơn đến cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia nơi cư trú, đề nghị được trợ cấp. Đơn cần ghi rõ nội dung sự việc dẫn đến thiệt hại, những thương tổn, tổn hại về sức khỏe, thiệt hại về tính mạng, kèm theo giấy tờ, hồ sơ đơn chứng từ nhận các chi phí, giấy tờ chứng từ trong trường hợp chết hoặc giấy tờ liên quan khác để làm căn cứ giải quyết cơ quan có trách nhiệm xem xét, quyết định trợ cấp. Trường hợp cần bổ sung tài liệu làm căn cứ xem xét, giải quyết trợ cấp thuộc cơ quan nhận đơn phải hướng dẫn người bị thiệt hại thu thập, cung cấp bổ sung tài liệu, hoặc tự thu thập, bổ sung.

2. Khi nhận được đề nghị trực tiếp hoặc đơn đề nghị trợ cấp của người bị thiệt hại về sức khỏe, gia đình người bị thiệt hại về tính mạng do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trong thời hạn chậm nhất sau 15 ngày, cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia nhận đề nghị hoặc đơn có trách nhiệm giải quyết

theo các trường hợp sau:

a) Xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp thẩm quyền xem xét, quyết định việc trợ cấp cho người bị thiệt hại về sức khỏe do cơ quan trực tiếp quản lý;

b) Chuyển đề nghị hoặc đơn khiếu nại liên quan (nếu có) cho cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia nơi quản lý người bị thiệt hại về sức khỏe để xem xét, quyết định việc trợ cấp;

c) Xem xét, kết luận kiến nghị ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi người bị thiệt hại sức khỏe cư trú để xem xét, quyết định đền bù thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại về sức khỏe không do cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia quản lý);

d) Thu thập tài liệu, điều tra minh, kết luận, đề nghị hoặc chuyển cho cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia trực tiếp quản lý người bị thiệt hại về tài sản để xem xét, kết luận đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định trợ cấp;

đ) Cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia nhận đơn đề nghị; thực hiện nhiệm vụ cho người; đơn đề nghị trợ cấp biết việc xử lý theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 5. Nếu xét thấy không đủ cơ sở để tiến hành việc trợ cấp cho người bị thiệt hại phải văn bản thực hiện; do cho người bị thiệt hại biết.

3. Trường hợp mức trợ cấp cho người bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe từ 10.000.000 (mười triệu) đồng trở lên Thủ trưởng cơ quan thực hiện quyết định việc trợ cấp thành lập Hội đồng Tư vấn để xem xét, quyết định việc trợ cấp. Hội đồng Tư vấn bao gồm: Thủ trưởng cơ quan thực hiện quyết định trợ cấp; Chủ tịch Hội đồng, đại diện chính quyền địa phương hoặc cơ quan chức năng bảo vệ an ninh quốc gia, đại diện cơ quan chức năng, cơ quan y tế, lao động - thương binh và xã hội.

Người bị thiệt hại về sức khỏe, gia đình người bị thiệt hại về tài sản và người đại diện hợp pháp của họ được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng Tư vấn để biểu kiến; kiến của những người được ghi biên bản.

Hội đồng Tư vấn nhiệm vụ đánh giá mức độ tổn hại về sức khỏe, thiệt hại về tài sản. Đánh giá thiệt hại căn cứ vào kết luận giám định pháp y, kết luận giám định pháp y thành, kết luận giám định thương tật, các giấy tờ, tài liệu khác liên quan và quy định của cơ quan thẩm quyền về tiêu chuẩn thương tật để đánh giá thiệt hại kiến nghị mức trợ cấp. Hội đồng Tư vấn thảo luận và kết luận theo đa số; biên bản họp Hội đồng Tư vấn tài liệu để Thủ trưởng cơ quan thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 khoản 5 Điều 10 hoặc khoản 2 Điều 14 Nghị định quy định mức trợ cấp.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Kinh phí để đền bù thiệt hại và trợ cấp

1. Kinh phí để đền bù thiệt hại và trợ cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đốc việc thi hành Nghị định này. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban dân tộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này